

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LANG CHÁNH  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Tám

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Văn Âu

2. Bà Đinh Thị Hương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm Thường khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Hà Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:***

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Hà Văn T2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 15/4/2023, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/04/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư trú tại bản G, xã T, huyện L. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T2 hay đi chơi, bỏ bê nhà cửa, vợ con, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T2 không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Khi mâu thuẫn xảy ra, đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2019 đến nay, chị về nhà bố mẹ để đẻ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn T2.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn T2 có 02 con chung là cháu Hà Anh K, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Hà Tường V, sinh ngày 18/4/2011. Chị đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh T2, giao cháu V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị và anh T2 không phải cấp nuôi dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Hà Văn T2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Đăng ký kết hôn vào ngày 08/04/2008 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư trú tại bản G, xã T, huyện L. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi anh bị tai nạn gãy chân, không làm được việc nên chị T không còn yêu thương, quan tâm đến anh và gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, có lần do bức tức anh đã tát chị T. Khi mâu thuẫn xảy ra, đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2019 đến nay, anh và chị T ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh vẫn còn tình cảm với chị T, nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng không níu kéo mà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị T có 02 con chung là cháu Hà Anh K, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Hà Tường V, sinh ngày 18/4/2011. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu, nhưng các cháu có nguyện vọng được ở với ai thì anh chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản: Anh Hà Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn C, xã G; bản G và Tư pháp hộ tịch xã T, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Anh Hà Văn T2 đăng ký thường trú tại bản G, xã T, huyện L và đang sinh sống tại địa chỉ trên. Anh T2 là lao động tự do, do đặc thù công việc nên không thường xuyên có mặt ở nhà trong giờ hành chính.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/4/2009 tại UBND xã T, huyện L và được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11. Sau khi kết hôn

vợ chồng cư trú tại bản G, xã T và luôn hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2020, giữa chị T và anh T2 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chửi bới, nhưng không biết nguyên nhân. Đến cuối năm 2020, chị T về nhà bố mẹ để sinh sống, kể từ đó chị T và anh T2 ly thân.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị T và anh T2 có 02 con chung là cháu Hà Anh K, sinh năm 2009 và cháu Hà Tường V, sinh năm 2011. Kể từ khi chị T và anh T2 ly thân đến nay, cháu K ở cùng anh T2, cháu V ở cùng chị T, nhưng phần lớn thời gian cả hai cháu ở cùng chị T, các cháu vẫn khoẻ mạnh, được chăm sóc tốt và được học hành đầy đủ. Chị T và anh T2 chưa có việc làm và thu nhập ổn định, nhưng đều là người chấp hành tốt quy định của pháp luật, nội quy, quy ước của địa phương, chịu khó làm ăn và đều quan tâm chăm lo cho các con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị T, anh Hà Văn T2 và tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp ban đầu thì chị T và anh T2 kết hôn ngày 08/4/2008. Nhưng theo kết quả xác minh tại Tư pháp hộ tịch xã T, huyện L và Trích lục kết hôn số 11/TLKH-BS ngày 10/8/2023 do Tòa án thu thập có đối chiếu với hồ sơ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã thì chị T và anh T2 kết hôn ngày 08/4/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Chị T và anh T2 có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Hà Văn T2 là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, ý kiến của anh T2, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị T đều có nguyện vọng được ly hôn anh T2; anh T2 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị T, anh T2 phù hợp

với kết quả xác minh tại nơi cư trú của các đương sự thì giữa chị T và anh T2 thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Nguyên nhân là do từ năm 2018, anh T2 bị tai nạn gãy chân không tham gia lao động được như trước, kinh tế gia đình lâm vào khó khăn dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, có lần anh T2 đã đánh chị T. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả; chị T và anh T2 đã có thời gian ly thân nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T2, anh T2 không đến Tòa án tham gia hoà giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; tại phiên tòa chị T và anh T2 thống nhất ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T2 không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn anh T2.

**[4] Về con chung:** Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị T và bản sao Giấy khai sinh của cháu K, cháu V, đủ cơ sở xác định: Các cháu Hà Anh K, sinh ngày 05/3/2009 và Hà Tường V, sinh ngày 18/4/2011 là con chung của chị T và anh T2.

Xét đề nghị về việc giao nuôi con của chị T, anh T2 thấy: Chị T đề nghị giao cháu K cho anh T2, giao cháu V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T2 đề nghị Tòa án giao con theo nguyện vọng của các cháu, đề nghị của chị T, anh T2 là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị T, anh T2 thấy: Căn cứ lời trình bày của chị T, anh T2 phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì chị T và anh T2 đều là công dân tốt, đều quan tâm, yêu thương và chăm sóc các con, các cháu cũng yêu thương bố mẹ; hiện nay chị T và anh T2 chưa có việc làm và thu nhập ổn định. Như vậy, điều kiện nuôi con của chị T và anh tương đương nhau, nên giao cho chị T, anh T2 mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị T, anh T2. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu K ở cùng anh T2, cháu V ở cùng chị T, nay cháu K có nguyện vọng được ở với anh T2, cháu V có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy, để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn và các cháu có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt, nên giao cháu Hà A Kiệt cho anh T2, giao cháu Hà Tường V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T2 có điều kiện nuôi con ngang nhau và mỗi người trực tiếp nuôi một cháu; anh, chị không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, chị T và anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**[5] Về tài sản:** Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Về án phí:** Chị Hà Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị T là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Thái), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị T, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị T.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

**Về hôn nhân:** Chị Hà Thị T được ly hôn anh Hà Văn T2.

**Về con chung:** Giao cháu Hà Tường V, sinh ngày 18/4/2011 cho chị T; giao cháu Hà Anh K, sinh ngày 05/3/2009 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng; chị T và anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Hà Thị T.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Hà Thị T, bị đơn Hà Văn T2; vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Chị T và anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Người BVQLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Lê Viết Tâm*